

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 2

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Thực hiện tuyển sinh theo quy định, điều lệ trường mầm non - 01 lớp 12 – 18 tháng - 01 lớp 19 – 24 tháng - 01 lớp 25 – 36 tháng - Diện tích phòng học đảm bảo cho số lượng trẻ: 28 trẻ - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho nhóm lớp - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ - Số lượng GV: 04 GV + Hạng chức danh nghề nghiệp: 04 GV hạng III, 03 GV có trình độ chuyên môn Đại học, 01 GV có trình độ chuyên môn Cao đẳng.	- Thực hiện tuyển sinh theo quy định, điều lệ trường mầm non - 02 lớp 3 – 4 tuổi - 02 lớp 4 – 5 tuổi - 02 lớp 5 – 6 tuổi - Đảm bảo diện tích các phòng học cho số lượng trẻ. - Các phòng học được trang bị đầy đủ các dụng cụ, đồ dùng. - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho các nhóm lớp. - Có kế hoạch, phiên chế thời gian, mục tiêu thực hiện chương trình giáo dục cụ thể theo từng độ tuổi. - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ - Số lượng GV: 12 GV + Hạng chức danh nghề nghiệp: 02 GV hạng II, 06 GV hạng III, 04 GV hạng IV. + 06 GV có trình độ chuyên môn Đại học, 02 GV có trình độ chuyên môn Cao đẳng, 04 GV có trình độ chuyên môn Trung cấp (Đang học nâng cao Đại học).
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục mầm non). - 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. - 100% trẻ được đánh giá theo quy định	- Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục mầm non). - 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. - 100% trẻ 5 tuổi được thực hiện đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 95% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng. - Đạt 95% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm thẩm mỹ và quan hệ xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng.	- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 95% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng. - Đạt 95% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm thẩm mỹ và quan hệ xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng. - Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng Wifi toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.	

Quận 6, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Nữ Ngân Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 2

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			12-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	215	43	45	65	62
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	215	43	45	65	62
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	215	43	45	65	62
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	215	43	45	65	62
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	215	43	45	65	62
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	215	43	45	65	62
1	Số trẻ cân nặng bình thường					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	06	00	01	03	02
3	Số trẻ có chiều cao bình thường					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	07	03	03		01
5	Số trẻ thừa cân béo phì	41	00	05	13	23
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục					
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	43	43			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	172		45	65	62

Quận 6, ngày 30 tháng 5 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Trần Nữ Ngân Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 2

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	09	1,4 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường		
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	359,42 m ²	m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	72,4 m ²	2
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	48 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	48 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	48 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	10,75 m ²	0.36
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	40 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	24 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	67,3 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9 bộ	9 bộ/9 nhóm, lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	17	- Máy vi tính: 11 - Máy chiếu: 1 - Máy in: 7
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	10	1

2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	1	
3	Máy PHOTO COPY	2	
5	Catsset	0	0
6	Đầu Video/dầu đĩa	9	1
7	Bàn ghế đúng quy cách	-Bàn: 140 -Ghế: 280	- 1 trẻ/ghế - 2 trẻ/bàn

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	07	09	- Bồn cầu nhà vệ sinh: 3 cái/ lớp MG - 3 cái / nhóm NT	0,25 – 0,4 m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Quận 6, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Nữ Ngân Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 2

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc (Đạt tốt)	Khá (Đạt khá)	Trung bình (Đạt)	Kém (Chưa đạt)
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29		1	14	4	3	7	3	13	5	17			
I	Giáo viên	16													
1	Nhà trẻ	4			3	1				3		3			
2	Mẫu giáo	12			9	2	1		1	9	2	11			
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	10				1	2	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	8					1	7							
..	..														

Quận 6, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Nữ Ngân Giang